

NGÂN HÀNG TMCP HÀNG HẢI
VIỆT NAM
VIETNAM MARITIME COMMERCIAL
JOINT STOCK BANK

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
THE SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM
Independence - Freedom - Happiness

Số/No.: 5749 /2026/CV-TGD5

Hanoi, ngày 22 tháng 5 năm 2026

CÔNG BỐ THÔNG TIN BẤT THƯỜNG
EXTRAORDINARY INFORMATION DISCLOSURE

Kính gửi: Sở Giao dịch Chứng khoán Việt Nam/ Sở Giao dịch Chứng khoán thành
phố Hồ Chí Minh
To: Vietnam Exchange/ Hochiminh Stock Exchange

1. Tên tổ chức / Organization name: Ngân hàng TMCP Hàng Hải Việt Nam/ Vietnam Maritime Commercial Joint Stock Bank
 - Mã chứng khoán/ Securities Symbol: MSB
 - Địa chỉ trụ sở chính/ Address: Số 54A Nguyễn Chí Thanh, Phường Láng, Thành phố Hà Nội, Việt Nam/ No. 54A Nguyen Chi Thanh, Lang Ward, Hanoi, Vietnam
 - Điện thoại/ Telephone: 024-37718989
 - Fax: 024-37718899

2. Nội dung công bố thông tin/ Content of Information disclosure:

Công bố thông tin bổ sung Bản cung cấp thông tin thành viên Hội đồng Quản trị /
Additional information disclosure regarding the Board of Directors member
Curriculum Vitae.

(Đối với trường hợp đính chính hoặc thay thế thông tin đã công bố cần giải trình rõ
nguyên nhân đính chính hoặc thay thế)/In case of correction or replacement of
previously disclosed information, explanation is needed)

3. Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của công ty vào ngày
22/05/2026 tại đường dẫn <https://www.msb.com.vn/vi/nha-dau-tu.html> This
information was published on the company's website on 22/05/2026 as in the link
<https://www.msb.com.vn/vi/nha-dau-tu.html>

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố/We hereby certify that the information provided is true and correct and we bear the full responsibility to the law.

Tài liệu đính kèm/ 
Attached document
Bản cung cấp thông tin

Đại diện tổ chức
Organization representative

Người đại diện theo pháp luật/Người UQ CBTT
Legal representative/Party authorized to disclose information

TỔNG GIÁM ĐỐC



NGUYỄN HOÀNG LINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
THE SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM
Independence - Freedom – Happiness

Hà Nội, ngày 24 tháng 4 năm 2026
....., day month year.....

BẢN CUNG CẤP THÔNG TIN/ CIRRICULLUM VITAE

Kính gửi: - Ủy ban Chứng khoán Nhà nước;
- Sở Giao dịch chứng khoán.
To: - The State Securities Commission;
- The Stock Exchange.

1/ Họ và tên /Full name: Trần Xuân Quảng

2/ Giới tính/Sex: Nam/Male

3/ Ngày tháng năm sinh/Date of birth: 22/08/1970

4/ Nơi sinh/Place of birth: Quảng Trị

5/ Số CMND (hoặc số hộ chiếu)/ ID card No. (or Passport No.):

Ngày cấp/Date of issue: Nơi cấp/Place of issue: Cục CSQLHC về TTXH/Department of Administrative Management on Social Order

6/ Quốc tịch/Nationality: Việt Nam/Vietnam

7/ Dân tộc/Ethnic: Kinh

8/ Địa chỉ thường trú/Permanent residence:

9/ Số điện thoại/Telephone number:

10/ Địa chỉ email/Email:

11/ Tên tổ chức là đối tượng công bố thông tin/ Organisation's name subject to information disclosure rules: Ngân hàng TMCP Hàng Hải Việt Nam/Viet Nam Maritime Commercial Joint Stock Bank

12/ Chức vụ hiện nay tại tổ chức là đối tượng công bố thông tin/ *Current position in an organization subject to information disclosure:* Phó Chủ tịch thường trực HĐQT/ *Standing Vice Chairman of the Board of Directors*

13/ Các chức vụ hiện đang nắm giữ tại tổ chức khác/*Positions in other companies:* Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng Giám đốc CTCP Tập đoàn ROX/ *Chairman of the Board of Directors and concurrently the Chief Executive Officer of Rox Group;*

CT HĐQT Công ty Cổ phần FamilyMart Việt Nam/ *Chairman of the Board of Directors FamilyMart Vietnam Joint Stock Company*

14/ Số CP nắm giữ: 398,623 chiếm 0.01 % vốn điều lệ, trong đó/ *Number of owning shares 398,623 shares , accounting for 0.01% of charter capital, of which:*

+ Đại diện (tên tổ chức là Nhà nước/cổ đông chiến lược/tổ chức khác) sở hữu/*Owning on behalf of (the State/strategic investor/other organisation):* Không/*None*

+ Cá nhân sở hữu/ *Owning by Individual:* 398,623 cổ phiếu/*shares*

15/ Các cam kết nắm giữ (nếu có)/*Other owning commitments (if any):* Không/*None*

16/ Danh sách người có liên quan của người khai* /*List of affiliated persons of declarant:*

* Người có liên quan theo quy định tại khoản 46 Điều 4 Luật Chứng khoán ngày 26 tháng 11 năm 2019.

Affiliated persons are stipulated in Article 4, clause 46 of the Law on Securities dated 26th Nov 2019.

Stt No.	Mã CK Securities symbol	Họ tên Name	Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có) Securities trading accounts (if available)	Chức vụ tại công ty (nếu có) Position at the company (if available)	Mối quan hệ đối với công ty/ người nội bộ Relationship with the company/ internal person	Loại hình Giấy NSH (*) (CMND/ Passport/ Giấy ĐKKD) Type of document (ID/Passpo rt/ Business Registration Certificate)	Số Giấy NSH (*)/ NSH No.	Ngày cấp Date of issue	Nơi cấp Place of issue	Địa chỉ trụ sở chính/ Địa chỉ liên hệ Address / Head office address	Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ Number of shares owned at the end of the period	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ Percent age of shares owned at the end of the period	Thời điểm bắt đầu là người có liên quan của công ty/ người nội bộ Time the person became an affiliate d person/ internal person	Thời điểm không còn là người có liên quan của công ty/ người nội bộ Time the person ceased to be an affiliated person/ internal person	Lý do (khi phát sinh thay đổi liên quan đến mục 13 và 14) Reasons (when arising changes related to sections of 13 and 14)	Ghi chú (về việc không có số Giấy NSH và các ghi chú khác) Notes (i.e. not in possession of a NSH No. and other notes)
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17
1	MSB	Ông/Mr. Trần Xuân Quảng		Phó CT TT HĐQT/ Standing Vice	bản thân/ himself	CCCD			Cục CSQHLC về TTXH/Department of Administrative	54A Nguyễn Chi Thanh,	398,623	0.01%	25/04/20 22	24/4/2026	Miễn nhiệm Dismissed	

Stt No.	Mã CK Secu rities symp ol	Họ tên Name	Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có) Securiti es trading account s (if availabl e)	Chức vụ tại công ty (nếu có) Position at the company (if available)	Mối quan hệ đối với công ty/ người nội bộ Relationship with the company/ internal person	Loại hình Giấy NSH (*) (CMND/ Passport/ Giấy ĐKKD) Type of document (ID/Passpo rt/ Business Registrati on Certificate)	Số Giấy NSH (*)/ NSH No.	Ngày cấp Date of issue	Nơi cấp Place of issue	Địa chỉ trụ sở chính/ Địa chỉ liên hệ Address / Head office address	Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ Number of shares owned at the end of the period	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ Percent age of shares owned at the end of the period	Thời điểm bắt đầu là người có liên quan của công ty/ người nội bộ Time the person became an affiliate d person/ internal person	Thời điểm không còn là người có liên quan của công ty/ người nội bộ Time the person ceased to be an affiliated person/ internal person	Lý do (khi phát sinh thay đổi liên quan đến mục 13 và 14) Reasons (when arising changes related to sections of 13 and 14)	Ghi chú (về việc không có số Giấy NSH và các ghi chú khác) Notes (Le. not in possession of a NSH No. and other notes)
				Chairman of the Board of Directors					Management on Social Order	P.Láng, Hà Nội						
1.01	MSB	Trần Xuân Vĩnh			Bố đẻ/ Biological Father	CCCD			Cục CSQLHC về TTXH/Department of Administrative Management on Social Order				25/04/20 22			
1.02	MSB	Nguyễn Thị Nhựt			Mẹ đẻ/ Biological Mother	Không có							25/04/20 22			Đã mất/ Has passed away
1.03	MSB	Kiều Ngọc Minh			Bố vợ/Father- in-law (Wife's side)	CCCD			Cục CSQLHC về TTXH/Department of Administrative Management on Social Order				25/04/20 22			
1.04	MSB	Phan Thị Lan			Mẹ vợ/Mother-in- law (Wife's side)	CCCD			Cục CSQLHC về TTXH/Department of Administrative Management on Social Order				25/04/20 22			
1.05	MSB	Kiều Thị Cẩm Ninh			Vợ/Wife	CCCD			Cục CSQLHC về TTXH/Department of Administrative Management on Social Order				25/04/20 22			

Stt No.	Mã CK Secu rities symp ol	Họ tên Name	Tài khoán giao dịch chứng khoán (nếu có) Securiti es trading account s (if availabl e)	Chức vụ tại công ty (nếu có) Position at the company (if available)	Mối quan hệ đối với công ty/ người nội bộ Relationship with the company/ internal person	Loại hình Giấy NSH (*) (CMND/ Passport/ Giấy ĐKKD) Type of document s/ ID/Passpo rt/ Business Registrati on Certificate)	Số Giấy NSH (*)/ NSH No.	Ngày cấp Date of issue	Nơi cấp Place of issue	Địa chỉ trụ sở chính/ Địa chỉ liên hệ Address / Head office address	Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ Number of shares owned at the end of the period	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ Percent age of shares owned at the end of the period	Thời điểm bắt đầu là người có liên quan của công ty/ người nội bộ Time the person became an affiliate d person/ internal person	Thời điểm không còn là người có liên quan của công ty/ người nội bộ Time the person ceased to be an affiliated person/ internal person	Lý do (khi phát sinh thay đổi liên quan đến mục 13 và 14) Reasons (when arising changes related to sections of 13 and 14)	Ghi chú (về việc không có số Giấy NSH và các ghi chú khác) Notes (i.e. not in possession of a NSH No. and other notes)
1.06	MSB	Trần Xuân Kiều Dũng			Con đẻ/Biological child	CCCD			Cục CSQLHC về TTXH/Department of Administrative Management on Social Order				25/04/20 22			
1.07	MSB	Trần Kiều Trang			Con đẻ/Biological child	CCCD			Cục CSQLHC về TTXH/Department of Administrative Management on Social Order				25/04/20 22			
1.08	MSB	Trần Nam Thắng			Em ruột/ Biological younger Brother/Sister	CCCD			Cục CSQLHC về TTXH/Department of Administrative Management on Social Order				25/04/20 22			
1.09	MSB	Đỗ Phương Thảo			Em dâu/Younger Sister-in-law (Younger Brother's Wife)	CCCD			Cục CSQLHC về TTXH/Department of Administrative Management on Social Order				25/04/20 22			
1.10	MSB	Kiều Phương Ngọc			Em vợ/Younger Sister-in- law/Brother- in-law (Wife's side)	CCCD			Cục CSQLHC về TTXH/Department of Administrative Management on Social Order				25/04/20 22			
1.11	MSB	Kiều Thị Anh Nga			Em vợ/Younger Sister-in- law/Brother-	CCCD			Cục CSQLHC về TTXH/Department of Administrative				25/04/20 22			

Stt No.	Mã CK Secu rities symp ol	Họ tên Name	Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có) Securiti es trading account s (if availabl e)	Chức vụ tại công ty (nếu có) Position at the company (if available)	Mối quan hệ đối với công ty/ người nội bộ Relationship with the company/ internal person	Loại hình Giấy NSH (*) (CMND/ Passport/ Giấy ĐKKD) Type of document s/ ID/Passpo rt/ Business Registrati on Certificate)	Số Giấy NSH (*)/ NSH No.	Ngày cấp Date of issue	Nơi cấp Place of issue	Địa chỉ trụ sở chính/ Địa chỉ liên hệ Address / Head office address	Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ Number of shares owned at the end of the period	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ Percent age of shares owned at the end of the period	Thời điểm bắt đầu là người có liên quan của công ty/ người nội bộ Time the person became an affiliate d person/ internal person	Thời điểm không còn là người có liên quan của công ty/ người nội bộ Time the person ceased to be an affiliated person/ internal person	Lý do (khi phát sinh thay đổi liên quan đến mục 13 và 14) Reasons (when arising changes related to sections of 13 and 14)	Ghi chú (về việc không có số Giấy NSH và các ghi chú khác) Notes (i.e. not in possession of a NSH No. and other notes)
					in-law (Wife's side)				Management on Social Order							
1.12	MSB	Trần Xuân Hoat			Chú ruột/Uncle by birth (Father's Younger Brother)	CCCD			Cục CSQLHC về TTXH/Department of Administrative Management on Social Order				25/04/20 22			
1.13	MSB	Trần Xuân Thiện			Chú ruột/Uncle by birth (Father's Younger Brother)	Không có							25/04/20 22			Đã mất/Has passed away
1.14	MSB	Nguyễn Quang Luân			Cậu ruột/Uncle by birth (Mother's Younger Brother)	Không có							25/04/20 22			Đã mất/Has passed away
1.15	MSB	Nguyễn Thị Thu			Di ruột/Aunt by birth (Mother's Younger Sister)	CCCD			Cục CSQLHC về TTXH/Department of Administrative Management on Social Order				25/04/20 22			
1.16	MSB	Trần Xuân Phương Nam			Cháu ruột/Niece/Nep hew by birth	CCCD			Cục CSQLHC về TTXH/Department of Administrative Management on Social Order				25/04/20 22			

Stt No.	Mã CK Secu rities symbol	Họ tên Name	Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có) Securities trading accounts (if available)	Chức vụ tại công ty (nếu có) Position at the company (if available)	Mối quan hệ đối với công ty/ người nội bộ Relationship with the company/ internal person	Loại hình Giấy NSH (*) (CMND/ Passport/ Giấy ĐKKD) Type of document (ID/Passpo rt/ Business Registration Certificate)	Số Giấy NSH (*)/ NSH No.	Ngày cấp Date of issue	Nơi cấp Place of issue	Địa chỉ trụ sở chính/ Địa chỉ liên hệ Address / Head office address	Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ Number of shares owned at the end of the period	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ Percent age of shares owned at the end of the period	Thời điểm bắt đầu là người có liên quan của công ty/ người nội bộ Time the person became an affiliate d person/ internal person	Thời điểm không còn là người có liên quan của công ty/ người nội bộ Time the person ceased to be an affiliate person/ internal person	Lý do (khi phát sinh thay đổi liên quan đến mục 13 và 14) Reasons (when arising changes related to sections of 13 and 14)	Ghi chú (về việc không có số Giấy NSH và các ghi chú khác) Notes (i.e. not in possession of a NSH No. and other notes)
1.17	MSB	Trần Hà Phương			Cháu ruột/Niece/Nephew by birth	CCCD			Cục CSQLHC về TTXH/Department of Administrative Management on Social Order				25/04/20 22			
1.18	MSB	Công ty tài chính TNIH MTV TNEX (TNEX FINANCE)/TNE X Finance Company Limited			Công ty con của MSB/Subsidiary of MSB	ĐKKD			SKHĐT Hà Nội/Hanoi Department of Planning and Investment				25/04/20 22			
1.19	MSB	Công ty Cổ phần FamilyMart Việt Nam/FamilyMart Vietnam Joint Stock Company			CT HĐQT/ Chairman of the Board of Directors	ĐKKD			SKHĐT Hồ Chí Minh/HCM Department of Planning and Investment				25/04/20 22			
1.20	MSB	Công ty cổ phần Tập đoàn ROX/ Rox Group			Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng Giám đốc/Chairman of the Board of Directors and concurrently the Chief Executive Officer	ĐKKD			SKHĐT Hà Nội/Hanoi Department of Planning and Investment				25/04/20 22			
1.21	MSB	Công ty cổ phần đầu tư phát triển Rox Ipark Việt Nam/Rox Ipark Vietnam Investment and Development			Công ty con của Công ty cổ phần Tập đoàn ROX /The subsidiary of ROX Group Joint Stock Corporation	ĐKKD			SKHĐT Hà Nội/Hanoi Department of Planning and Investment				31/12/20 25			

Stt No.	Mã CK Secu rities symbol	Họ tên Name	Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có) Securities trading accounts (if available)	Chức vụ tại công ty (nếu có) Position at the company (if available)	Mối quan hệ đối với công ty/ người nội bộ Relationship with the company/ internal person	Loại hình Giấy NSH (*) (CMND/ Passport/ Giấy ĐKKD) Type of document (ID/Passpo rt/ Business Registration Certificate)	Số Giấy NSH (*)/ NSH No.	Ngày cấp Date of issue	Nơi cấp Place of issue	Địa chỉ trụ sở chính/ Địa chỉ liên hệ Address / Head office address	Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ Number of shares owned at the end of the period	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ Percent age of shares owned at the end of the period	Thời điểm bắt đầu là người có liên quan của công ty/ người nội bộ Time the person became an affiliate d person/ internal person	Thời điểm không còn là người có liên quan của công ty/ người nội bộ Time the person ceased to be an affiliated person/ internal person	Lý do (khi phát sinh thay đổi liên quan đến mục 13 và 14) Reasons (when arising changes related to sections of 13 and 14)	Ghi chú (về việc không có số Giấy NSH và các ghi chú khác) Notes (i.e. not in possession of a NSH No. and other notes)
		Joint Stock Company														
1.22	MSB	Công ty cổ phần Rox Living /Rox Living Joint Stock Company			Công ty con của Công ty cổ phần Tập đoàn ROX /The subsidiary of ROX Group Joint Stock Corporation	ĐKKD			SKHĐT Hà Nội/Hanoi Department of Planning and Investment				31/12/20 25			
1.23	MSB	CTCP đầu tư ROX Energy/ROX Energy Investment Joint Stock Company			Công ty con của Công ty cổ phần Tập đoàn ROX /The subsidiary of ROX Group Joint Stock Corporation	ĐKKD			SKHĐT Hồ Chí Minh/HCM Department of Planning and Investment				25/04/20 22			
1.24	MSB	Công ty TNHH Một thành viên Đầu tư Sao Hôm/Sao Hom Investment Single Member Limited Liability Company			Công ty con của Công ty cổ phần Tập đoàn ROX /The subsidiary of ROX Group Joint Stock Corporation	ĐKKD			SKHĐT Hà Nội/Hanoi Department of Planning and Investment				25/04/20 22			
1.25	MSB	Công ty Cổ phần ROX ASSET/ROX ASSET Joint Stock Company			Công ty con của Công ty cổ phần Tập đoàn ROX /The subsidiary of ROX Group Joint Stock Corporation	ĐKKD			SKHĐT Hà Nội/Hanoi Department of Planning and Investment				31/12/20 25			

Stt No.	Mã CK Securities symbol	Họ tên Name	Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có) Securities trading account s (if available)	Chức vụ tại công ty (nếu có) Position at the company (if available)	Mối quan hệ đối với công ty/ người nội bộ Relationship with the company/ internal person	Loại hình Giấy NSH (*) (CMND/ Passport/ Giấy ĐKKD) Type of document s/ ID/Passpo rt/ Business Registrati on Certificate)	Số Giấy NSH (*)/ NSH No.	Ngày cấp Date of issue	Nơi cấp Place of issue	Địa chỉ trụ sở chính/ Địa chỉ liên hệ Address / Head office address	Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ Number of shares owned at the end of the period	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ Percent age of shares owned at the end of the period	Thời điểm bắt đầu là người có liên quan của công ty/ người nội bộ Time the person became an affiliate d person/ internal person	Thời điểm không còn là người có liên quan của công ty/ người nội bộ Time the person ceased to be an affiliated person/ internal person	Lý do (khi phát sinh thay đổi liên quan đến mục 13 và 14) Reasons (when arising changes related to sections of 13 and 14)	Ghi chú (về việc không có số Giấy NSH và các ghi chú khác) Notes (Le not in possession of a NSH No. and other notes)
1.26	MSB	Công ty Cổ phần ROX Living Global/ROX Living Global Joint Stock Company			Công ty con của Công ty cổ phần Tập đoàn ROX /The subsidiary of ROX Group Joint Stock Corporation	ĐKKD			SKHĐT Hà Nội/Hanoi Department of Planning and Investment							
1.27	MSB	Công ty cổ phần Rox capital/Rox Capital Joint Stock Company			Công ty con của Công ty cổ phần Tập đoàn ROX /The subsidiary of ROX Group Joint Stock Corporation	ĐKKD			SKHĐT Hà Nội/Hanoi Department of Planning and Investment				31/12/20 25			
1.28	MSB	Công ty cổ phần Rox Signature/Rox Signature Joint Stock Company			Công ty con của Công ty cổ phần Tập đoàn ROX /The subsidiary of ROX Group Joint Stock Corporation	ĐKKD			SKHĐT Hà Nội/Hanoi Department of Planning and Investment				31/12/20 25			
1.29	MSB	Công Ty Cổ Phần Năng Lượng Toàn Cầu Rox/Rox Global Energy Joint Stock Company			Công ty con của Công ty cổ phần Tập đoàn ROX /The subsidiary of ROX Group Joint Stock Corporation	ĐKKD			SKHĐT Hà Nội/Hanoi Department of Planning and Investment				25/04/20 22			
1.30	MSB	Công ty Cổ phần TNC			Công ty con của Công ty cổ	ĐKKD			SKHĐT Hà Nội/Hanoi				25/04/20 22	31/12/202 5		

Stt No.	Mã CK Secu rities symp ol	Họ tên Name	Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có) Securiti es trading account s (if availabl e)	Chức vụ tại công ty (nếu có) Position at the company (if available)	Mối quan hệ đối với công ty/ người nội bộ Relationship with the company/ internal person	Loại hình Giấy NSH (*) (CMND/ Passport/ Giấy ĐKKD) Type of document s(ID/Passpo rt/ Business Registrati on Certificate)	Số Giấy NSH (*)/ NSH No.	Ngày cấp Date of issue	Nơi cấp Place of issue	Địa chỉ trụ sở chính/ Địa chỉ liên hệ Address / Head office address	Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ Number of shares owned at the end of the period	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ Percent age of shares owned at the end of the period	Thời điểm bắt đầu là người có liên quan của công ty/ người nội bộ Time the person became an affiliate d person/ internal person	Thời điểm không còn là người có liên quan của công ty/ người nội bộ Time the person ceased to be an affiliated person/ internal person	Lý do (khi phát sinh thay đổi liên quan đến mục 13 và 14) Reasons (when arising changes related to sections of 13 and 14)	Ghi chú (về việc không có số Giấy NSH và các ghi chú khác) Notes (i.e. not in possession of a NSH No. and other notes)
		Holdings/TNC Holdings Joint Stock Company			phần Tập đoàn ROX /The subsidiary of ROX Group Joint Stock Corporation				Department of Planning and Investment							

17/ Lợi ích liên quan đối với công ty đại chúng, quỹ đại chúng (nếu có)/Related interest with public company, public fund (if any):

Không

18/ Quyền lợi mâu thuẫn với công ty đại chúng, quỹ đại chúng (nếu có)/ Interest in conflict with public company, public fund (if any):

Không

Tôi cam đoan những lời khai trên đây là đúng sự thật, nếu sai tôi xin hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật/I hereby certify that the information provided in this cv is true and correct and I will bear the full responsibility to the law.

NGƯỜI KHAI / DECLARANT

(Ký, ghi rõ họ tên)

(Signature, full name)

